

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị L – Sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Tống Hữu C (Tên gọi khác: Tách) – Sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Có mặt chị L, anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Đinh Thị L trình bày:

Chị kết hôn với anh Tống Hữu C năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến khi có con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, trầm trọng nhất là vào tháng 11/2021, anh C đánh đập trong khi chị đang mang thai, chị sợ nên bỏ về nhà tại thôn Đ, xã Y. Chị và anh C sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh C.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Tổng An N, sinh ngày 13/01/2022. Chị đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trọng quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, anh Tổng Hữu C trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, anh C trình bày phù hợp với lời khai của chị L. Sau khi kết hôn anh và chị L chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, xuất phát từ việc chênh lệch tuổi tác (20 tuổi). Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh xác nhận anh và chị L có 01 con chung như chị L đã trình bày, anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trọng quan hệ hôn nhân: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng chị L, anh C không thống nhất giải quyết được các vấn đề trong vụ án, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên quan điểm như trên. Anh C giữ nguyên quan điểm giải quyết, anh xin được nuôi con chung và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung phải đảm bảo quyền lợi của con chung, nếu anh không được giao nuôi con thì anh cũng chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” do nguyên đơn chị Đinh Thị L thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Tổng Hữu C có hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh N nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị L, anh C được xác lập vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình

không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, xuất phát từ việc chênh lệch tuổi tác dẫn đến khó có thể hòa hợp được. Hiện tại anh, chị đang sống ly thân nhau. Chị L, anh C cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị L, anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L xử cho chị L, anh C ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị L, anh C có 01 con chung là Tống An N, sinh ngày 13/01/2022. Chị L, anh C cùng đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu chị L, anh C cung cấp tài liệu, chứng cứ có nội dung liên quan đến việc chứng minh điều kiện kinh tế để nuôi con chung, chị L, anh C đều đã cung cấp đầy đủ. Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện kinh tế để nuôi con của chị L, anh C là tương đương nhau. Xét thấy cháu N còn quá nhỏ tuổi (gần 05 tháng tuổi) nên rất cần thiết có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu Nhiên cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị L, anh C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị L và anh Tống Hữu C.

2. Về con chung: Giao con chung là Tống An N, sinh ngày 13/01/2022 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng

không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003584, ngày 20/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị L đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Đinh Thị L, anh Tống Hữu C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên;
- UBND xã Y;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm